

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN N K  
THÀNH PHỐ C T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 267/2020/QĐST-HN

N K, ngày 17 tháng 11 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N K, THÀNH PHỐ C T**

Căn cứ các Điều 212, 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các 55, 57,58, 81,82,83,84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 589/2020/TLST-HN ngày 02 tháng 11 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông **Nguyễn T N**, sinh năm 1987;

ĐKTT: 112/52F đường 3/2, phường H L , quận N K, thành phố C T.

2. Bà **Lữ Thị C L**, sinh năm 1990;

ĐKTT: 112/52F đường 3/2, phường H L , quận N K, thành phố C T.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông N và bà L tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp. Xét quá trình chung sống của ông bà phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có sự chia sẻ trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng cự cãi, không còn tiếng nói chung, đời sống chung không hạnh phúc. Nay thấy hôn nhân của ông bà thực sự không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, việc yêu cầu thuận tình ly hôn của Ông N và bà L là có cơ sở để chấp nhận.

[2] Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn N N Y(Nữ), sinh ngày 18/02/2016. Các bên thống nhất giao con cho bà L nuôi dưỡng và tôi tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng (Một triệu đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

Về nợ chung: Không có.

[3] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau

này có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Về lệ phí hôn nhân sơ thẩm: Bà L và ông N mỗi người chịu 150.000 đồng. Ông N đồng ý đóng thay cho bà L.

Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Bà Lữ Thị C L và ông Nguyễn T N thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn N N Y(Nữ), sinh ngày 18/02/2016. Các bên thống nhất giao con cho bà L nuôi dưỡng và ông N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho ông N không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích mọi mặt của con, các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

- Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà L và ông N mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) lệ phí hôn nhân sơ thẩm, ông N đồng ý đóng thay cho bà L, khấu trừ tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án mà ông N đã đóng theo Biên lai thu số 003156 ngày 14/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N K, thành phố C T thành lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

### **Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND quận N K, TP. C T;
- UBND phường H L , Q. N K, TP. C T;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**TRẦN THỊ HỒNG GÁM**